TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Hà Hùng Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Cẩm T, sinh ngày 10/10/1978. Địa chỉ: Ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân số: 0741780057; ngày cấp: 10/5/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trương Cẩm T: Luật sư Triệu Du N – Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc H, sinh ngày 08/11/1982. Địa chỉ: Ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng minh nhân dân số: 3655102; ngày cấp: 26/8/2010; Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Cẩm T trình bày:

Bà Trương Cẩm T và ông Đỗ Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 2016, nhưng đến ngày 31/5/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Hện D, tỉnh

Bình Dương theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi bà T sinh con được 06 tháng thì ông H đã đi sinh sống như vợ chồng và có con với người khác, không liên lạc với bà T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017, do bà T đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Nay bà T yêu cầu như sau: Về hôn nhân: Bà Trương Cẩm T yêu cầu ly hôn ông Đỗ Ngọc H. Về con chung: Bà Trương Cẩm T yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017 đến khi thành niên, bà T không yêu cầu ông Đỗ Ngọc H cấp dưỡng nuôi Đỗ Đăng K. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 25/12/2025 nguyên đơn bà T trình bày: Trước đây trong nội dung khởi kiện bà trình bày ông H chung sống và có con với người khác là bà chỉ nghe người khác nói lại chứ bà không thấy và cũng không biết rõ ràng sự việc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Cẩm T có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Triệu Du N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Cẩm T về việc yêu cầu ly hôn ông Đỗ Ngọc H. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017 cho bà T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà T không yêu cầu ông Đỗ Ngọc H cấp dưỡng nuôi Đỗ Đăng K. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Đỗ Ngọc H:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H về sự việc bà T yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn nhưng ông H không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017 cho bà Trương Cẩm T nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Đỗ Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/7/2025, bà Trương Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đỗ Ngọc H cư trú tại ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Trương Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đỗ Ngọc H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Bà Trương Cẩm T và ông Đỗ Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, Hện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ khi không sống chung đến nay vợ chồng không có gặp để bàn bạc hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, vợ chồng không chủ động gặp để hàn gắn tình cảm, hiện nay hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn ông H là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trương Cẩm T và ông Đỗ Ngọc H có một con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017. Hiện nay Đăng K do bà T đang nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu của bà Trương Cẩm T được nuôi con chung tên Đỗ Đăng K đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của con chung Đỗ Đăng K có nguyện vọng sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017 cho bà Trương Cẩm T nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Cẩm T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Cẩm T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tòa án tiến hành xác minh được địa phương cung cấp là không biết và cũng không có thông tin gì về việc ông H chung sống và có con với người phụ nữ khác.

[8] Đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Cẩm T. Xét thấy, đề nghị của vị Luật sư là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trương Cẩm T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Ông Đỗ Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trương Cẩm T ly hôn ông Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Đăng K, sinh ngày 20/11/2017 cho bà Trương Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Đăng K thành niên. Ông Đỗ Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Đăng K cho ông Đỗ Ngọc H, không ai được cản trở. Ông Đỗ Ngọc H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Đỗ Đăng K của bà Trương Cẩm T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Cẩm T và ông Đỗ Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003286 ngày 19/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, như vậy bà Trương Cẩm T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm; ông Đỗ Ngọc H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Cẩm T và ông Đỗ Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã L, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng